| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH BA**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM**<br>**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 4- 2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Hà Thanh Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Vi Thị Năm – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: ông Lưu Thanh Liêm – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Quách Thị P, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh P

Chỗ ở hiện nay: Số BT37, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. (chị P vắng mặt)

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh P. ( anh T có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án chị Quách Thị P trình bày:*

Chị P và anh Nguyễn Đức T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2009 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại huyện D (nay là thành phố D) tỉnh B. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi vã. Kể từ năm 2015, vợ chồng đã sống ly thân, anh T về quê tại xã Đ sinh sống, còn chị cùng các con sinh sống tại tỉnh B. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T do tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là:

- Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 18/11/2009

- Nguyễn Ngọc Bảo L, sinh ngày 23/6/2011

Hiện nay cả hai con đang ở chung với chị P. Nếu ly hôn, chị P xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức T trình bày:

Anh kết hôn với chị Quách Thị P ngày 02/3/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở B. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do chị P có quan hệ ngoại tình với người khác. Kể từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh T đã về quê tại xã Đ, huyện T sinh sống, còn chị P cùng các con vẫn sinh sống tại tỉnh B. Nay chị P xin ly hôn anh T cũng nhất trí được ly hôn chị P.

Về con chung: anh chị có 02 con chung như chị P đã trình bày. Nếu ly hôn anh xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 55, điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Quách Thị P và anh Nguyễn Đức T.

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX xem xét giao 02 con chung là Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 18/11/2009 và Nguyễn Ngọc Bảo L, sinh ngày 23/6/2011 cho chị Quách Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu

+ Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Quách Thị P và anh Nguyễn Đức T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay tại xã Đ, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Quách Thị P và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh P ngày 02/3/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị P, anh T có những bất đồng quan điểm sống, giữa chị P và anh T đã mất niềm tin ở nhau. Cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau nhiều năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Chị P và anh T thống nhất yêu cầu được giải quyết cho ly hôn. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng chị P và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị P và anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 18/11/2009 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo L, sinh ngày 23/6/2011. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng chị P tại thành phố D, tỉnh B. Chị P và anh T đều có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Xét về điều kiện nuôi con thì cả anh T và chị P đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, thực tế cháu M và cháu L đều sinh ra và lớn lên ở B, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị P vẫn trực tiếp một mình chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Anh T cũng thừa nhận, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh không đóng góp nuôi con cùng chị P. Các cháu đều trên 07 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, xét giao cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi hai cháu là phù hợp, để đảm bảo cho việc ổn định học tập của các cháu cũng như tránh ảnh hưởng xáo trộn về tâm lý khi thay đổi môi trường sống. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị P do chị P không yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: các bên đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị P tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Quách Thị P và anh Nguyễn Đức T.

[2]. Về con chung: Giao chị Quách Thị P trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 18/11/2009 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo L, sinh ngày 23/6/2011 kể từ tháng 27/4/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Quách Thị P tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0049423 ngày 23/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B. Trả lại cho chị Quách Thị P 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền án phí

Anh Nguyễn Đức T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Quách Thị P vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh, huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS tp Dĩ An;
- UBND xã Đỗ Sơn
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Hà Thanh Loan**